

Bản án số: 53/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30/10/2019.
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con chung”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Trường**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Vũ Xuân Vương**

2. Ông **Trương Văn Hòa**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Phạm Tuấn Hải**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hà**, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2019/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Trần N S**, sinh năm 1980

Nơi cư trú: số nhà 349, đường T, khu phố 3, phường X, thành phố L K, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở: tổ 11, ấp B, xã B, thành phố L K, tỉnh Đồng Nai.

2/ Bị đơn: Anh **Lê V D**, sinh năm 1980.

Nơi cư trú: số nhà 73, tổ 3, ấp 4, xã T, huyện C M, tỉnh Đồng Nai.

3/ Người làm chứng:

3.1 Ông **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1953

3.2 Bà **Trần Thị S**, sinh năm 1953

Cùng nơi cư trú: số nhà 319, đường T, khu phố 3, phường X, thành phố L K, tỉnh Đồng Nai.

(Anh D vắng mặt; chị S, ông Q và bà S có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tường trình chị Nguyễn Trần N S trình bày:**

Năm 2003, chị và anh Lê Văn D tự nguyện xây dựng gia đình với nhau có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn, được UBND xã T cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 49 ngày 08/12/2003, sau kết hôn chị về sinh sống cùng anh D tại ấp 4, xã T nhưng từ năm 2006 mâu thuẫn bắt đầu xảy ra, anh D thường xuyên nhậu nhẹt về kiếm chuyện đánh đập chị, đến năm 2009 chị cùng các con ra sinh sống khu tập thể giáo viên tại ấp 4, xã T nhưng anh D thường kiếm chuyện, quậy phá và đánh đập chị và anh D bị Công an xã T mời lên làm việc.

Đến năm 2010, chị chuyển công tác ra thị xã L K dạy học và ở chung với cha mẹ chị tại tổ 11, ấp B, xã B, thành phố L K, tỉnh Đồng Nai, anh D đến năn nỉ chị hàn gắn tình cảm nhưng sau đó lại say xỉn, la lối, đánh đập chị và còn xúc phạm đến cha mẹ chị. Từ tháng 12/2018 chị và anh D đã không còn liên lạc với nhau nữa. Chị xác định không còn tình cảm và không thể chung sống với anh D nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Văn N T, sinh ngày 28/02/2004 và Lê P D, sinh ngày 28/9/2006 hiện nay đang ở với chị, chị S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các cháu, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Sau khi kết hôn, năm 2004 anh, chị có xây dựng 01 căn nhà xây cấp 4 trên đất của cha, mẹ anh D tại ấp 4, xã T, huyện CM và năm 2010 chị có xây dựng 01 căn nhà xây cấp 4 trên đất của cha, mẹ chị tại ấp B, xã B, thành phố L K, tỉnh Đồng Nai, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung.

Về nợ chung: Không có, nên chị không yêu cầu gì.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ kèm theo theo quy định cho anh Lê V D nhưng anh D vắng mặt không có lý do và cũng không có bản tường trình cho Tòa án, vì vậy Tòa án không thể tiến hành hòa giải để các bên tự thỏa thuận được với nhau.

Các tài liệu, chứng cứ thu thập được:

+ Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, giấy chứng nhận kết hôn, giấy khai sinh các con chung; Bản tường trình, đơn đề nghị triệu tập người làm chứng, đơn xác nhận của Công an xã B, thành phố L K, đơn yêu cầu thu thập chứng cứ.

+ Các tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp: Không

+ Các chứng cứ do Tòa án thu thập được: Biên bản lấy lời khai của các đương sự tại Tòa án; Biên bản xác minh tại ấp 4, xã T và tại Trụ sở Công an xã T, huyện C M;

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành, do anh D vắng mặt không có lý do dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

** Tại phiên tòa hôm nay:*

Tất cả các đương sự có đơn xin vắng mặt nên không có lời khai nên Chủ tọa phiên tòa công bố đơn của đương sự đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt, tóm tắt nội dung vụ án, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; Hội đồng xét xử thảo luận những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

** Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành pháp luật, bị đơn không chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, vắng mặt không có lý do nên Tòa án vẫn đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

Về đường lối giải quyết: Qua quá trình thu thập chứng cứ, xác minh xác định được sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn do anh D thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn, có hành vi bạo hành và đánh đập vợ con, chị S cũng đã 02 lần viết đơn lên Tòa án ly hôn, nhưng anh D hứa thay đổi nên chị rút đơn về, khoảng 01 năm gần đây anh chị đã sống ly thân, trong suốt quá trình tố tụng anh D đều vắng mặt, chị S có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải cho thấy anh chị không có ý định hàn gắn, cuộc sống vợ chồng anh chị không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị S yêu cầu ly hôn là có cơ sở, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị S.

Về con chung: anh chị có 02 con chung là cháu Lê V N T, sinh ngày 28/02/2004 và Lê P D, sinh ngày 28/9/2006, hiện nay chị S là giáo viên có thu nhập ổn định, từ khi vợ chồng ly thân các cháu đều ở với chị S, các cháu có nguyện vọng ở với mẹ, anh D thường xuyên nhậu nhẹt, lúc còn chung sống có hành vi bạo hành các cháu. Vì vậy, căn cứ Điều 92 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000, giao các cháu T và D cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng. Do chị S không yêu cầu cấp dưỡng nên tạm thời anh Lê V D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có ai yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Chị S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Trần N S có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung với anh D. Anh D có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại số nhà 73, tổ 3, ấp 4, xã T, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Nên căn cứ Điều 85 Luật Hôn nhân gia đình, căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ đối với anh D nhưng anh D vắng mặt không có lý do, chị S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

3.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Trần N S và anh Lê V D có đăng ký kết hôn ngày 08/12/2003 và được UBND xã T, huyện Cẩm Mỹ cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 49/2003. Việc xác lập quan hệ hôn nhân của anh chị trên cơ sở tự nguyện, không bị cưỡng ép, lừa dối kết hôn nên được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị S, quá trình làm việc chị S cho rằng: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh chị là do anh D thường xuyên nhậu nhẹt về nhà kiếm chuyện đánh đập chị nên vợ chồng cãi nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn nữa.

Qua quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ: kết quả Biên bản xác minh tại Công an xã T ngày 18/6/2019 thể hiện *“tình trạng hai vợ chồng có mâu thuẫn, anh D thường có gây gổ chị S, có lần chị S có qua báo tình hình cho Công an biết. Hiện nay, chị S đã cắt hộ khẩu và chuyển đi L K sinh sống”*; tại Biên bản xác minh ngày 16/8/2019 Trưởng ấp 4, xã T cho biết *“Vợ chồng chị Nguyễn Trần N S và anh Lê V D đã xảy ra mâu thuẫn nhiều năm, hai vợ chồng thường xuyên cãi vả nhau, anh D có hành vi đánh đập chị S. Vì vậy, chị S đã bỏ đi khỏi địa phương chuyển đến sinh sống tại thành phố L K và hiện nay đã ly thân không còn chung sống với nhau”*; theo xác nhận ngày 05/6/2019 của Công an xã B, thành phố L K thể hiện *“đúng tháng 12/2017 do mâu thuẫn chuyện gia đình nên chồng bà là Lê V D có hành vi tát sơn lên tường nhà và gây sự với nhóm thợ đang làm nhà”*.

Qua lời khai của ông Nguyễn V Q, bà Trần T S là cha mẹ của chị S và bản tự khai của các cháu Lê Văn N T, Lê P D thì mâu thuẫn giữa anh chị là có thật, do anh D thường xuyên nhậu nhẹt, đập phá đồ đạc và đánh chị Sương trong cuộc sống gia đình, chị Sương đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ năm 2010 đến nay, hai bên có hàn gắn tình cảm nhưng không được. Như vậy, hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Quá trình giải quyết vụ án, anh D cố tình không lên Tòa án làm việc, dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, cho thấy anh D không có thiện chí hàn gắn tình cảm, bỏ mặc quan hệ hôn nhân với chị S, mặc cho hậu quả xảy ra. Do đó yêu cầu ly hôn của chị S là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

3.2 Về con chung: Chị S yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu cháu Lê Văn N T, sinh ngày 28/02/2004 và Lê P D, sinh ngày 28/9/2006, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Thấy rằng các cháu hiện nay do chị S trực tiếp nuôi dưỡng từ khi anh chị không chung sống với nhau và nguyện vọng của các cháu cũng mong muốn được ở với chị S nên việc giao các cháu cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

3.3 Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

3.4 Về án phí: Do chị S là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 85; Điều 89; Điều 91, Điều 92, Điều 93 và Điều 94 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Trần N S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Trần N S được ly hôn với anh Lê V D.

2. Về con chung: Giao các cháu Lê Văn N T, sinh ngày 28/02/2004 và Lê P D, sinh ngày 28/9/2006 cho chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành. Tạm thời anh Lê V D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh D được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của trẻ khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Trần N S phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị S đã nộp sang án phí theo biên lai thu tiền số 004774 ngày 02 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Chị S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Trần N S, anh Lê V D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- THADS huyện Cẩm Mỹ;
- UBND xã T, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Trường

